

**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH THÍ SINH NỘP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ
NĂM 2023
(Cập nhật đến 17g00 ngày 03/7/2023)**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1	02000710	Trương Như Nhật Anh	27/03/2005	Y khoa
2	02000710	Trương Như Nhật Anh	27/03/2005	Dược học
3	02000710	Trương Như Nhật Anh	27/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
4	02000751	Nguyễn Công Danh	18/02/2005	Y khoa
5	02000751	Nguyễn Công Danh	18/02/2005	Dược học
6	02000751	Nguyễn Công Danh	18/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
7	02000915	Trần Khánh Linh	18/03/2005	Dược học
8	02001016	Dương Khả Nhi	23/06/2005	Y khoa
9	02001016	Dương Khả Nhi	23/06/2005	Dược học
10	02001016	Dương Khả Nhi	23/06/2005	Y học cổ truyền
11	02001074	Nguyễn Phương Quân	27/09/2005	Y khoa
12	02001074	Nguyễn Phương Quân	27/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
13	02001102	Lê Thiên Thanh	28/08/2005	Y khoa
14	02001102	Lê Thiên Thanh	28/08/2005	Dược học
15	02001164	Phan Bảo Trân	02/11/2005	Y khoa
16	02004436	Hoàng Thị Hoài An	31/10/2005	Y khoa
17	02004477	Nguyễn Ngọc Lan Anh	01/01/2005	Y khoa
18	02004477	Nguyễn Ngọc Lan Anh	01/01/2005	Dược học
19	02004477	Nguyễn Ngọc Lan Anh	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
20	02004479	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	13/01/2005	Y khoa
21	02004573	Ôn Lệ Châu	19/12/2005	Y khoa
22	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Y khoa
23	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Dược học
24	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
25	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Y học cổ truyền
26	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Y học dự phòng
27	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Y tế công cộng
28	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Dinh dưỡng
29	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Điều dưỡng
30	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Kỹ thuật phục hình răng

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
31	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
32	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Hộ sinh
33	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
34	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
35	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
36	02004627	Bá Xuân Tùng Dương	04/05/2005	Y khoa
37	02004627	Bá Xuân Tùng Dương	04/05/2005	Dược học
38	02004627	Bá Xuân Tùng Dương	04/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
39	02004668	Bùi Anh Đức	21/07/2005	Y khoa
40	02004668	Bùi Anh Đức	21/07/2005	Dược học
41	02004668	Bùi Anh Đức	21/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
42	02004678	Võ Trịnh Hồng Đức	13/10/2005	Y khoa
43	02004678	Võ Trịnh Hồng Đức	13/10/2005	Dược học
44	02004678	Võ Trịnh Hồng Đức	13/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
45	02004689	Lê Thanh Giao	06/09/2005	Dược học
46	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Y khoa
47	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Dược học
48	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
49	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Y học cổ truyền
50	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Y học dự phòng
51	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Y tế công cộng
52	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Dinh dưỡng
53	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Điều dưỡng
54	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Kỹ thuật phục hình răng
55	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
56	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
57	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
58	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
59	02004802	Nguyễn Vĩ Kha	06/04/2005	Y khoa
60	02004802	Nguyễn Vĩ Kha	06/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
61	02004845	Nguyễn Trí Anh Khoa	21/01/2005	Y khoa
62	02004845	Nguyễn Trí Anh Khoa	21/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
63	02004857	Nguyễn Lê Đăng Khôi	08/11/2005	Y khoa
64	02004857	Nguyễn Lê Đăng Khôi	08/11/2005	Dược học
65	02004858	Nguyễn Ngọc Minh Khôi	05/01/2005	Y khoa
66	02004858	Nguyễn Ngọc Minh Khôi	05/01/2005	Dược học

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
67	02004858	Nguyễn Ngọc Minh Khôi	05/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
68	02004900	Nguyễn Gia Phú	12/11/2005	Y khoa
69	02004900	Nguyễn Gia Phú	12/11/2005	Dược học
70	02004909	Nguyễn Thị Hồng Phúc	28/11/2005	Y khoa
71	02004909	Nguyễn Thị Hồng Phúc	28/11/2005	Dược học
72	02004909	Nguyễn Thị Hồng Phúc	28/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
73	02004961	Nguyễn Thái Minh Thư	08/12/2005	Y khoa
74	02004961	Nguyễn Thái Minh Thư	08/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
75	02004964	Nguyễn Tú Anh Thư	24/03/2005	Y khoa
76	02004964	Nguyễn Tú Anh Thư	24/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
77	02005007	Nguyễn Bảo Khánh Trang	09/10/2005	Y khoa
78	02005007	Nguyễn Bảo Khánh Trang	09/10/2005	Dược học
79	02005007	Nguyễn Bảo Khánh Trang	09/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
80	02005007	Nguyễn Bảo Khánh Trang	09/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
81	02005007	Nguyễn Bảo Khánh Trang	09/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
82	02005009	Phan Quỳnh Trang	27/09/2005	Dược học
83	02005009	Phan Quỳnh Trang	27/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
84	02005023	Nguyễn Phan Bảo Trân	28/08/2005	Y khoa
85	02005023	Nguyễn Phan Bảo Trân	28/08/2005	Dược học
86	02005023	Nguyễn Phan Bảo Trân	28/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
87	02005109	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	19/04/2005	Y khoa
88	02005109	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	19/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
89	02005158	Nguyễn Thị Thiên Hương	02/08/2005	Y khoa
90	02005158	Nguyễn Thị Thiên Hương	02/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
91	02005158	Nguyễn Thị Thiên Hương	02/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
92	02005258	Nguyễn Hoàng Long	25/03/2005	Y khoa
93	02005258	Nguyễn Hoàng Long	25/03/2005	Dược học
94	02005258	Nguyễn Hoàng Long	25/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
95	02005382	Huỳnh Mai Ngọc	24/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
96	02005404	Lại Võ Trọng Nguyên	07/10/2005	Dược học
97	02005415	Phạm Trọng Nguyên	03/07/2005	Dược học
98	02005415	Phạm Trọng Nguyên	03/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
99	02005420	Nguyễn Viết Nguyễn	17/09/2005	Dược học
100	02005427	Lê Bảo Thiện Nhân	12/03/2005	Y khoa
101	02005460	Hồ Tấn Phát	10/02/2005	Y khoa
102	02005460	Hồ Tấn Phát	10/02/2005	Dược học
103	02005460	Hồ Tấn Phát	10/02/2005	Răng-Hàm-Mặt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
104	02005460	Hồ Tấn Phát	10/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
105	02005929	Trương Ái Thuyên	26/04/2005	Dược học
106	02006258	Đỗ Hoàng Hạnh	06/03/2005	Dược học
107	02017243	Huỳnh Nguyễn Tường Vy	04/09/2005	Điều dưỡng
108	02017243	Huỳnh Nguyễn Tường Vy	04/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
109	02020848	Nguyễn Tuấn Anh	15/10/2005	Dược học
110	02020925	Hàng Minh Cường	17/06/2005	Y khoa
111	02020925	Hàng Minh Cường	17/06/2005	Dược học
112	02021507	Lý Gia Nhi	27/05/2005	Dược học
113	02021605	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	20/07/2005	Y khoa
114	02021605	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	20/07/2005	Dược học
115	02021605	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	20/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
116	02021605	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	20/07/2005	Y học cổ truyền
117	02022366	Phạm Khang	26/02/2005	Y khoa
118	02022366	Phạm Khang	26/02/2005	Dược học
119	02022366	Phạm Khang	26/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
120	02024402	Đặng Dương Nhật Phúc	28/12/2005	Dược học
121	02024533	Trần Ngọc Minh Thư	11/11/2005	Y khoa
122	02024533	Trần Ngọc Minh Thư	11/11/2005	Dược học
123	02024533	Trần Ngọc Minh Thư	11/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
124	02024533	Trần Ngọc Minh Thư	11/11/2005	Y học cổ truyền
125	02024533	Trần Ngọc Minh Thư	11/11/2005	Điều dưỡng
126	02024533	Trần Ngọc Minh Thư	11/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
127	02026487	Lại Tiến Hưng	02/01/2005	Y khoa
128	02026487	Lại Tiến Hưng	02/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
129	02026619	Nguyễn Thành Nhân	24/08/2005	Y khoa
130	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Dinh dưỡng
131	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Điều dưỡng
132	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Kỹ thuật phục hình răng
133	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
134	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
135	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
136	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
137	02026746	Lương Ngọc Anh Thư	09/08/2005	Y khoa
138	02026746	Lương Ngọc Anh Thư	09/08/2005	Dược học
139	02026746	Lương Ngọc Anh Thư	09/08/2005	Răng-Hàm-Mặt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
140	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Y học cổ truyền
141	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Y học dự phòng
142	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Y tế công cộng
143	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Dinh dưỡng
144	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Điều dưỡng
145	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Kỹ thuật phục hình răng
146	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
147	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Hộ sinh
148	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
149	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
150	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
151	02029255	Bùi Huy Minh Đạt	02/06/2005	Y khoa
152	02029255	Bùi Huy Minh Đạt	02/06/2005	Y học cổ truyền
153	02038459	Nguyễn Quý Huy	25/10/2005	Dược học
154	02038459	Nguyễn Quý Huy	25/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
155	02041240	Ngô Huy Hoàng	28/08/2005	Y khoa
156	02041240	Ngô Huy Hoàng	28/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
157	02041403	Tạ Quang Trường	18/10/2005	Y khoa
158	02041403	Tạ Quang Trường	18/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
159	02041498	Phạm Thụy Thúy Vy	12/08/2005	Y khoa
160	02041498	Phạm Thụy Thúy Vy	12/08/2005	Dược học
161	02041720	Hoàng Hồng Minh	02/09/2005	Dược học
162	02041759	Lê Hà Thiên Ngân	12/10/2005	Y khoa
163	02041759	Lê Hà Thiên Ngân	12/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
164	02041981	Nguyễn Đức Thịnh	31/03/2005	Y khoa
165	02041981	Nguyễn Đức Thịnh	31/03/2005	Dược học
166	02046337	Songsiri Hoàng Anh	15/09/2005	Dược học
167	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Y khoa
168	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Dược học
169	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
170	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Y học cổ truyền
171	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Y học dự phòng
172	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Y tế công cộng
173	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
174	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Y khoa
175	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Dược học
176	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Răng-Hàm-Mặt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
177	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Dinh dưỡng
178	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Điều dưỡng
179	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Kỹ thuật phục hình răng
180	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
181	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Hộ sinh
182	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
183	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
184	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
185	02048742	Phạm Thanh Thư	10/01/2005	Y khoa
186	02048742	Phạm Thanh Thư	10/01/2005	Dược học
187	02048742	Phạm Thanh Thư	10/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
188	02048742	Phạm Thanh Thư	10/01/2005	Y học dự phòng
189	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Y khoa
190	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Dược học
191	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Răng-Hàm-Mặt
192	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Y học cổ truyền
193	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
194	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
195	02051811	Trịnh Hoàng Dung	07/09/2005	Dược học
196	02051811	Trịnh Hoàng Dung	07/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
197	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Y khoa
198	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Dược học
199	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Răng-Hàm-Mặt
200	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Y học cổ truyền
201	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Y học dự phòng
202	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Y tế công cộng
203	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Dinh dưỡng
204	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Điều dưỡng
205	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Kỹ thuật phục hình răng
206	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
207	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
208	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
209	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Kỹ thuật phục hồi chức năng
210	02052001	Lê Trần Gia Hân	03/10/2004	Y khoa
211	02052001	Lê Trần Gia Hân	03/10/2004	Dược học

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
212	02052001	Lê Trần Gia Hân	03/10/2004	Răng-Hàm-Mặt
213	02052001	Lê Trần Gia Hân	03/10/2004	Y học cổ truyền
214	02052001	Lê Trần Gia Hân	03/10/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
215	02052337	Trần Hoàng Khang	26/06/2004	Y khoa
216	02052337	Trần Hoàng Khang	26/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
217	02052337	Trần Hoàng Khang	26/06/2004	Y học cổ truyền
218	02052337	Trần Hoàng Khang	26/06/2004	Kỹ thuật phục hình răng
219	02052538	Lê Minh Nhật	17/01/2003	Y khoa
220	02052538	Lê Minh Nhật	17/01/2003	Dược học
221	02052538	Lê Minh Nhật	17/01/2003	Răng-Hàm-Mặt
222	02052538	Lê Minh Nhật	17/01/2003	Y học dự phòng
223	02052538	Lê Minh Nhật	17/01/2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học
224	02053034	Nguyễn Phương Thảo	16/12/2004	Răng-Hàm-Mặt
225	02054182	Nguyễn Minh Đạt	21/04/2005	Dược học
226	02054185	Nguyễn Tấn Đạt	19/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
227	02054746	Nguyễn Duy Uyên Phương	23/11/2005	Dược học
228	02055301	Nguyễn Thanh Duy	30/11/2005	Dược học
229	02055456	Nguyễn Thanh Hiền	21/05/2004	Y khoa
230	02055456	Nguyễn Thanh Hiền	21/05/2004	Răng-Hàm-Mặt
231	02056454	Trịnh Trần Nhật Tân	27/01/2004	Y khoa
232	02056454	Trịnh Trần Nhật Tân	27/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
233	02056454	Trịnh Trần Nhật Tân	27/01/2004	Y học cổ truyền
234	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Y khoa
235	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Dược học
236	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
237	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Y học cổ truyền
238	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Kỹ thuật phục hình răng
239	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
240	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
241	02056630	Phạm Cao Hữu Trác	20/03/2005	Y khoa
242	02056630	Phạm Cao Hữu Trác	20/03/2005	Dược học
243	02056647	Đỗ Đình Quế Trâm	30/11/2004	Y khoa
244	02056647	Đỗ Đình Quế Trâm	30/11/2004	Dược học
245	02056647	Đỗ Đình Quế Trâm	30/11/2004	Răng-Hàm-Mặt
246	02058216	Nguyễn Gia Bảo	03/06/2005	Y khoa
247	02058216	Nguyễn Gia Bảo	03/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
248	02058999	Nguyễn Huỳnh Nhã Trang	30/01/2004	Y khoa

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
249	02058999	Nguyễn Huỳnh Nhã Trang	30/01/2004	Dược học
250	02060138	Lê Khánh Ngân	07/11/2005	Dược học
251	02061521	Dương Thị Thanh Như	29/04/2004	Y khoa
252	02061521	Dương Thị Thanh Như	29/04/2004	Răng-Hàm-Mặt
253	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Y khoa
254	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Dược học
255	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
256	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Y học cổ truyền
257	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Kỹ thuật phục hình răng
258	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
259	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
260	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Y khoa
261	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Dược học
262	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Răng-Hàm-Mặt
263	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Y học cổ truyền
264	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Kỹ thuật phục hình răng
265	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
266	02068375	Nguyễn Hoàng Anh Minh	01/11/2004	Y khoa
267	02069752	Kiều Ngọc Phương Anh	26/07/2005	Y khoa
268	02069778	Phạm Ngọc Ánh	01/05/2004	Y khoa
269	02069778	Phạm Ngọc Ánh	01/05/2004	Dược học
270	02069778	Phạm Ngọc Ánh	01/05/2004	Răng-Hàm-Mặt
271	02069789	Lê Thiên Bảo	25/06/2003	Y khoa
272	02069789	Lê Thiên Bảo	25/06/2003	Dược học
273	02069945	Nguyễn Hoàng Khang	15/09/2004	Y khoa
274	02070188	Nguyễn Mỹ Phương	27/04/2005	Y khoa
275	02070188	Nguyễn Mỹ Phương	27/04/2005	Dược học
276	02070188	Nguyễn Mỹ Phương	27/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
277	02070188	Nguyễn Mỹ Phương	27/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
278	02070268	Bùi Lê Anh Thư	16/07/2003	Dược học
279	02070295	Bùi Thị Hà Tiên	17/05/2005	Y khoa
280	02070306	Nguyễn Đức Tính	27/11/2005	Y khoa
281	02070306	Nguyễn Đức Tính	27/11/2005	Dược học
282	02070328	Trần Minh Trí	14/09/2005	Dược học
283	02070330	Dương Hoàng Trinh	11/11/2005	Y khoa
284	02070330	Dương Hoàng Trinh	11/11/2005	Dược học

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
285	02070343	Đỗ Quang Tuấn	17/04/2005	Y khoa
286	02070343	Đỗ Quang Tuấn	17/04/2005	Dược học
287	02070343	Đỗ Quang Tuấn	17/04/2005	Dinh dưỡng
288	02070343	Đỗ Quang Tuấn	17/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
289	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Y khoa
290	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Dược học
291	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
292	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Y học cổ truyền
293	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Y học dự phòng
294	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Y tế công cộng
295	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Dinh dưỡng
296	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Điều dưỡng
297	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Kỹ thuật phục hình răng
298	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
299	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Hộ sinh
300	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
301	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
302	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
303	02070377	Nguyễn Hoàng Việt	28/12/2005	Y khoa
304	02070377	Nguyễn Hoàng Việt	28/12/2005	Dược học
305	02070377	Nguyễn Hoàng Việt	28/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
306	02070398	Võ Huỳnh Tố Vy	04/09/2004	Y khoa
307	02070398	Võ Huỳnh Tố Vy	04/09/2004	Dược học
308	02080797	Võ Quốc Đạt	15/11/2004	Y khoa
309	02080797	Võ Quốc Đạt	15/11/2004	Dược học
310	02080797	Võ Quốc Đạt	15/11/2004	Răng-Hàm-Mặt
311	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Y khoa
312	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Dược học
313	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
314	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Y học cổ truyền
315	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Dinh dưỡng
316	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Kỹ thuật phục hình răng
317	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
318	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
319	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
320	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
321	02082778	Trần Hoàng Uyên Khanh	05/09/2004	Y khoa
322	02082778	Trần Hoàng Uyên Khanh	05/09/2004	Dược học
323	02084371	Phạm Ngọc Thiên Quý	05/08/2004	Răng-Hàm-Mặt
324	36000096	Nguyễn Phan Ngân Hà	25/08/2005	Y khoa
325	36000096	Nguyễn Phan Ngân Hà	25/08/2005	Dược học
326	36000096	Nguyễn Phan Ngân Hà	25/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
327	37000461	Trần Hoàng Chí Vỹ	14/02/2005	Y khoa
328	37000461	Trần Hoàng Chí Vỹ	14/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
329	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Y khoa
330	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Dược học
331	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
332	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Y học dự phòng
333	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Kỹ thuật phục hình răng
334	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
335	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
336	44002563	Huỳnh Quốc Duy	05/10/2005	Y khoa
337	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Y khoa
338	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Dược học
339	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
340	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Kỹ thuật phục hình răng
341	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
342	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
343	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
344	44003106	Ngô Bửu Hòa	21/07/2005	Y khoa
345	44003187	Nguyễn Gia Huy	01/07/2005	Y khoa
346	44003392	Nguyễn Tấn Vinh	16/08/2005	Y khoa
347	44003392	Nguyễn Tấn Vinh	16/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
348	44003441	Nguyễn Trương Trúc Vy	02/04/2005	Y khoa
349	44003441	Nguyễn Trương Trúc Vy	02/04/2005	Dược học
350	44003441	Nguyễn Trương Trúc Vy	02/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
351	44003441	Nguyễn Trương Trúc Vy	02/04/2005	Y học cổ truyền
352	44003655	Huỳnh Nhã Lạc	30/07/2005	Y khoa
353	44003655	Huỳnh Nhã Lạc	30/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
354	44003718	Phan Đặng Quỳnh Linh	21/07/2005	Y khoa
355	44003718	Phan Đặng Quỳnh Linh	21/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
356	44003803	Nguyễn Quang Minh	22/06/2005	Y khoa

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
357	44003803	Nguyễn Quang Minh	22/06/2005	Dược học
358	44003803	Nguyễn Quang Minh	22/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
359	44004521	Lê Quang Thịnh	17/02/2005	Y khoa
360	44004521	Lê Quang Thịnh	17/02/2005	Dược học
361	44004521	Lê Quang Thịnh	17/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
362	44004521	Lê Quang Thịnh	17/02/2005	Y học cổ truyền
363	46002127	Dương Nhật Thanh	22/11/2005	Dinh dưỡng
364	46002127	Dương Nhật Thanh	22/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
365	46002127	Dương Nhật Thanh	22/11/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
366	48008781	Nguyễn Huy Hoàng	25/06/2005	Y khoa
367	48008781	Nguyễn Huy Hoàng	25/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
368	48016373	Trần Kim Ngân	16/10/2005	Y khoa
369	48016373	Trần Kim Ngân	16/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
370	48016543	Đặng Hoàng Nghĩa	10/01/2005	Y khoa
371	48017729	Nguyễn Trọng Nhân	16/10/2005	Y khoa
372	48023556	Nguyễn Minh Tấn	20/06/2005	Y khoa
373	48023556	Nguyễn Minh Tấn	20/06/2005	Dược học
374	48023556	Nguyễn Minh Tấn	20/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
375	49003695	Nguyễn Khánh Vân	21/03/2005	Dược học
376	51001316	Nguyễn Huỳnh Như Thảo	02/04/2005	Y khoa
377	51013589	Phan Thành Sang	01/02/2005	Y khoa
378	52004136	Tôn Thất Minh Khôi	10/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
379	52007791	Lê Vĩnh Đức	27/03/2005	Y khoa
380	53009058	Nguyễn Duy Bảo Ngọc	25/08/2005	Y khoa

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH